

Số: /QĐ-VNH

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước  
Quý II năm 2025

### VIỆN TRƯỞNG VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;*

*Căn cứ Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý II năm 2025 đã được phê duyệt ngày 15/7/2025;*

*Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai các nội dung sau:

- Công khai dự toán thu – chi ngân sách nhà nước (điều chỉnh) năm 2025 đã được Đại học Quốc gia Hà Nội giao (Biểu số 02).
- Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2025 đã được phê duyệt (Biểu số 03).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban Lãnh đạo Viện, bộ phận Tài vụ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

VIỆN TRƯỞNG

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hg2.

Phạm Đức Anh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 /2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

**VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN**

**Chương: 044**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (ĐIỀU CHỈNH) NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VNH ngày / /2025 của Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao     |
|------------|----------------------------------------------------|-----------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                     |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                       |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                       |
| 1          | Lệ phí                                             |                       |
| 2          | Học phí                                            |                       |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                       |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo</b>              |                       |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                       |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                       |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                       |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                       |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                       |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                       |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                       |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                       |
|            | Học phí                                            |                       |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>13 157 656 750</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>10 297 000 000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                       |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                       |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                       |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         | <b>7 228 000 000</b>  |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     | 3 950 000 000         |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                       |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               | 3 950 000 000         |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                       |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      | 3 278 000 000         |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                       |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>3 069 000 000</b>  |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 2 069 000 000         |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 1 000 000 000         |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                          | <b>2 860 656 750</b>  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                     |                       |

|                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                  |                                    |                               |                            |                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                  |                                    |                               |                            | Biểu số 03                                     |
| VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHPT                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |                               |                            |                                                |
| Chương: 044                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                  | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc        |                               |                            |                                                |
| CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025                                                                                                                                                                                                               |                                                  |                                    |                               |                            |                                                |
| (Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)                                                                                                                                                                                              |                                                  |                                    |                               |                            |                                                |
| Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước                                                                                                                                        |                                                  |                                    |                               |                            |                                                |
| Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ |                                                  |                                    |                               |                            |                                                |
| Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2025 như sau:                                                                                                                                                  |                                                  |                                    |                               |                            |                                                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                  |                                    |                               | ĐV tính: VNĐ               |                                                |
| Số TT                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nội dung                                         | Dự toán năm                        | Ước thực hiện quý II năm 2025 | Ước thực hiện/ Dự toán năm | Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước |
| A                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí      | -                                  | -                             |                            |                                                |
| I                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số thu phí, lệ phí                               |                                    |                               |                            |                                                |
| II                                                                                                                                                                                                                                                                           | Chi từ nguồn thu phí được để lại                 |                                    |                               |                            |                                                |
| III                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số phí, lệ phí nộp NSNN                          |                                    |                               |                            |                                                |
| B                                                                                                                                                                                                                                                                            | Dự toán chi ngân sách nhà nước                   | 13 157 656 750                     | 2 266 791 430                 | 17%                        | 107%                                           |
| I                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nguồn ngân sách trong nước                       | 10 297 000 000                     | 2 266 791 430                 | 22%                        | 107%                                           |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi quản lý hành chính                           |                                    |                               |                            |                                                |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              | 7 228 000 000                      | 2 199 935 443                 | 30%                        | 229%                                           |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi sự nghiệp GD, đào tạo, dạy nghề              | 3 069 000 000                      | 66 855 987                    | 2%                         | 6%                                             |
| 3.1                                                                                                                                                                                                                                                                          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 2 069 000 000                      | 66 855 987                    | 3%                         | 6%                                             |
| 3.2                                                                                                                                                                                                                                                                          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 1 000 000 000                      | -                             |                            |                                                |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                                    |                               |                            |                                                |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi bảo đảm xã hội                               |                                    |                               |                            |                                                |
| 6                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi hoạt động kinh tế                            |                                    |                               |                            |                                                |
| 7                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                                    |                               |                            |                                                |
| 8                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                                    |                               |                            |                                                |
| 9                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                                    |                               |                            |                                                |
| 10                                                                                                                                                                                                                                                                           | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                                    |                               |                            |                                                |
| II                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nguồn vốn viện trợ                               | 2 860 656 750                      | 0                             | 0                          | 0                                              |
| III                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |                                    |                               |                            |                                                |